

Thái Nguyên, ngày 14 tháng 6 năm 2018

DANH SÁCH ĐIỂM THI

**PHẦN II: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN
VÀ LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 43, TẠI TRƯỜNG

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
1	Trần Tuấn Anh	1	09	7.0	Bảy	
2	Đàm Thị Việt Anh	2	67	7.5	Bảy rưỡi	
3	Nguyễn Văn Bắc	3	62	7.5	Bảy rưỡi	
4	Nguyễn Mai Biễn	4	25	7.0	Bảy	
5	Nguyễn Anh Chiến	5	37	7.5	Bảy rưỡi	
6	Hoàng Tiến Dũng	6	46	8.0	Tám	
7	Tạ Tuấn Dũng	7	45	6.5	Sáu rưỡi	
8	Nguyễn Văn Dũng	8	24	7.5	Bảy rưỡi	
9	Ngô Văn Dương	9	15	7.5	Bảy rưỡi	
10	Phạm Kim Duyên	10	31	8.0	Tám	
11	Lê Hải Đăng	11	23	7.0	Bảy	
12	Phạm Văn Đô	12	20	7.0	Bảy	
13	Trần Minh Hạnh	13	17	7.5	Bảy rưỡi	
14	Đinh Thúy Hảo	14	40	7.5	Bảy rưỡi	
15	Nguyễn Tuấn Hiệp	15	01	7.0	Bảy	
16	Nguyễn Văn Hoan	16	35	7.0	Bảy	
17	Nguyễn Ngọc Hoàng	17	03	7.0	Bảy	
18	Nguyễn Thị Hồng	18	65	8.0	Tám	
19	Hà Mạnh Hùng	19	21	7.5	Bảy rưỡi	
20	Trần Tiến Hùng	20	39	7.5	Bảy rưỡi	
21	Mã Hoàng Hưng	21	02	7.5	Bảy rưỡi	
22	Nguyễn Thị Hương	22	19	8.0	Tám	

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
23	Đàm Thị Hương	23	58	7.5	Bảy rưỡi	
24	Chu Thị Huyền	24	53	7.5	Bảy rưỡi	
25	Dương Trung Kiên	25	07	7.0	Bảy	
26	Đỗ Bá Tùng Lâm	26	14	7.5	Bảy rưỡi	
27	Hoàng Thị Hương Liên	27	54	7.0	Bảy	
28	Vũ Thị Măng	28	44	8.0	Tám	
29	Đặng Tuấn Mạnh	29	27	8.0	Tám	
30	Nguyễn Thái Nam	30	55	7.5	Bảy rưỡi	
31	Đinh Hữu Nam	31	47	7.5	Bảy rưỡi	
32	Nguyễn Thị Nguyên	32	30	8.0	Tám	
33	Dương Thị Nguyệt	33	49	7.5	Bảy rưỡi	
34	Trần Văn Nhã	34	04	7.0	Bảy	
35	Bùi Thúy Nhung	35	33	7.0	Bảy	
36	Hoàng Thị Kim Oanh	36	61	7.0	Bảy	
37	Luân Thị Oanh	37	41	7.5	Bảy rưỡi	
38	Nguyễn Thị Kim Phụng	38	26	8.0	Tám	
39	Phạm Thị Phượng	39	56	8.0	Tám	
40	Lê Nam Sơn	40	18	7.0	Bảy	
41	Trần Đình Tân	41	66	7.0	Bảy	
42	Vũ Hoàng Thái	42	16	6.5	Sáu rưỡi	
43	Lưu Công Thắng	43	57	7.5	Bảy rưỡi	
44	Lý Thị Thảo	44	48	8.0	Tám	
45	Bùi Tiến Thìn	45	12	7.5	Bảy rưỡi	
46	Lục Trường Thịnh	46	06	7.0	Bảy	
47	Hoàng Thị Thơ	47	36	8.0	Tám	
48	Vũ Thị Thu	48	52	7.5	Bảy rưỡi	
49	Lê Thị Anh Thu	49	32	7.5	Bảy rưỡi	
50	Nguyễn Xuân Thủy	50	28	8.0	Tám	
51	Hoàng Thị Thủy	51	05	8.0	Tám	
52	Nguyễn Minh Tồn	52	11	7.5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
53	Trương Thị Thu Trang	53	08	7.5	Bảy rưỡi	
54	Nguyễn Thành Trung	54	34	8.0	Tám	
55	Ma Văn Trường	55	10	7.0	Bảy	
56	Nguyễn Anh Tuấn-1985	57	22	7.0	Bảy	
57	Nguyễn Anh Tuấn-1983	56	63	7.5	Bảy rưỡi	
58	Phạm Thế Việt	58	68	7.5	Bảy rưỡi	
59	Hà Thị Kim Yên	59	59	8.0	Tám	
60	Hạc Thị Nga	60	29	7.0	Bảy	P.II-lớp K7 P.Lương
61	Nguyễn Mạnh Hùng	61	13	7.0	Bảy	P.II-lớp K42KTT
62	Đoàn Thị Thu	62	38	7.0	Bảy	P.II-lớp K42KTT
63	Nguyễn Thị Bích Hồng	63	64	7.0	Bảy	P.II-lớp K42KTT
64	Nguyễn Thị Thúy Hằng	64	60	8.0	Tám	P.II-lớp K42KTT
65	Đồng Thị Hà	65	50	7.0	Bảy	P.II-lớp K42KTT
66	Vũ Duy Thái	66	51	7.5	Bảy rưỡi	P.II-lớp K42KTT
67	Dương Thị Nga	67	44	8.0	Tám	P.II-lớp K42KTT
68	Nguyễn Thị Hiền	68	42	8.0	Tám	P.II-lớp K42KTT

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Nguyễn Phúc Ái

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên